

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 03 - 9- 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Trí

Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q ; Sinh năm 1990. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Đình D ; Sinh năm 1986. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 5 xã X huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Lê Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh D tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2011 tại UBND xã X , huyện T , tỉnh T . Sau khi cưới vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tôi đem một con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc T , sinh ngày 23/4/2015 về chung sống cùng bố mẹ đẻ và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Nay tôi nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D .

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

- Cháu Đỗ Đình Ngọc K sinh ngày 25/9/2011
- Cháu Đỗ Đình Ngọc T , sinh ngày 23/4/2015

Hiện nay cháu K đang ở cùng anh D còn cháu T đang ở cùng với tôi.

Nguyên vọng của chị Q : Tôi yêu cầu nuôi con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc T , sinh ngày 23/4/2015. Anh D sẽ nuôi con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc K sinh ngày 25/9/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa và tại bản tự khai bị đơn là anh Đỗ Đình D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn như cô Q trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Vợ chồng có cãi nhau nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Cô Q đã bỏ về chung sống với bố mẹ đẻ và đem theo con nhỏ là cháu T và để lại cháu K cho tôi nuôi dưỡng. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi vẫn còn yêu thương vợ con nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc K sinh ngày 25/9/2011 và cháu Đỗ Đình Ngọc T , sinh ngày 23/4/2015

Hiện nay cháu K đang ở cùng tôi còn cháu T đang ở cùng với chị Q .

Nguyên vọng của anh D : Nếu phải ly hôn thì tôi yêu cầu nuôi một con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc K sinh ngày 25/9/2011, còn cháu Đỗ Đình Ngọc T , sinh ngày 23/4/2015 để cô Q nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc K trình bày: Nguyên vọng của cháu muốn ở với bố.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Q và anh Đỗ Đình D là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Chị Q yêu cầu ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn. Mặc dù anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh D cũng công nhận quá trình chung sống anh chị hay cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Hiện nay chị Q đã về chung sống cùng bố mẹ đẻ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng là mỗi người nuôi một con chung và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Mặt khác tại Bản tự khai ngày 28/7/2020 của cháu K trình bày nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố. Vì vậy HĐXX xét thấy yêu cầu nuôi con của anh chị là phù hợp nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc T, sinh ngày 23/4/2015; Anh Đỗ Đình D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc K sinh ngày 25/9/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về hôn nhân: Căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Q và anh Đỗ Đình D .

Về con chung: Căn cứ vào điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung như sau:

Chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc T, sinh ngày 23/4/2015; Anh Đỗ Đình D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Đình Ngọc K sinh ngày 25/9/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2019/0006082 ngày 21/6/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện T
- Các DS
- UBND xã X, huyện T, tỉnh T.
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng